TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 173/2018/DS-PT
Ngày 26 tháng 10 năm 2018
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN NHÂN TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Võ Minh Triều**

Các Thẩm phán: Bà **Đặng Thị Bích Vân**

Ông **Trần Bình Đảo**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang: Ông **Trương Thanh Triều** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 99/2018/TLPT-DS ngày 08 tháng 8 năm 2018 về việc ***"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"***.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 46/2018/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2018/QĐ-PT, ngày 27 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự.

Nguyên đơn: Bà **Lý Thị Diệu L**, sinh năm 1977. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện Đ, Kiên Giang.

Bị đơn: Bà **Trần Thị P** (Th), sinh năm 1970. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện Đ, Kiên Giang.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà **Huỳnh Thị T,** sinh năm 1982. (Có mặt).

Địa chỉ: ấp B, xã S, huyện Đ, Kiên Giang.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Trần Thị P (Th).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/12/2014 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Lý Thị Diệu L trình bày:*

Tôi có cho bà Trần Thị P vay tiền nhiều lần, cụ thể các khoản như sau:

Lần thứ nhất: Tôi cho bà P vay 184.100.000 đồng vào ngày 11/5/2012 âm lịch (nhằm ngày 29/6/2012 dương lịch), lãi suất 4%/tháng, có biên nhận kèm theo. Đến nay bà P chưa trả cho tôi nên tôi yêu cầu trả đủ. Đồng thời tôi yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Cụ thể: 184.100.000 đồng x 1,125% x 25 tháng 10 ngày = 73.175.375 đồng.

Lần thứ hai: Tôi cho bà P vay 60.000.000 đồng vào ngày 11/9/2012 âm lịch (nhằm ngày 29/10/2012 dương lịch), lãi suất 4%/tháng. Đến nay bà P chưa trả cho tôi nên tôi yêu cầu trả đủ. Đồng thời tôi yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật. Cụ thể: 60.000.000 đồng x 1,125% x 25 tháng 10 ngày = 20.500.000 đồng.

Lần thứ ba: Tôi đưa cho bà P số tiền 100.000.000 đồng vào ngày 02/10/2013 (nhằm ngày 04/11/2013 dương lịch). Hai bên thỏa thuận theo dạng cho vay tiền góp. Bà P nhận 100.000.000 đồng và sẽ góp trừ mỗi ngày 1.250.000 đồng, trong thời hạn 90 ngày (tính ra bằng 112.500.000 đồng). Bà P có góp cho tôi được một số nhưng tôi không theo dõi nên không nhớ cụ thể. Đến khi bà P đến tổng kết nợ với tôi thì hai bên thống nhất số tiền bà P chưa thanh toán cho tôi là 78.000.000 đồng. Sau đó góp thêm 3.000.000 đồng nên còn 75.000.000 đồng. Số tiền này tôi không yêu cầu tính lãi suất.

Vậy tổng số tiền gốc bà P còn nợ tôi là 319.100.000 đồng. Tiền lãi tính theo pháp luật hiện hành là 0,8%/tháng, tính trong 48 tháng.

Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P trả cho tôi số tiền trên. Tôi không yêu cầu chồng bà P trả nợ.

Tại Biên bản hòa giải ngày 11/02/2015; ngày 09/6/2015 Bị đơn bà Trần Thị P (Th) có ý kiến trình bày:

Tôi có ý kiến phản bác lại các yêu cầu của bà L như sau:

Khoản tiền 184.100.000 đồng: Đây là tiền số đề mà tôi là tay em bán cho chủ thầu là bà L nhưng do tôi không giao tiền cho bà L nên bà L tính nợ với tôi. Qua nhiều thời gian thì số tiền lên tới 184.100.000 đồng. Bà L buộc tôi ký biên nhận là nợ vay. Tôi đồng ý ký nợ với bà L, bà L cho tôi thời gian để xoay sở trả nợ. Sau đó tôi và bà L cùng đi bỏ hụi để lấy tiền trả cho bà L (Dây hụi do bà Tám Yến làm

chủ, là hụi tháng, mỗi tháng 10.000.000 đồng, tôi chơi một chân). Tuy nhiên do bỏ không trúng và sau đó bà Tám Y tuyên bố bể hụi nên tôi không có tiền trả cho bà L. Nay tôi yêu cầu chỉ trả cho bà L số tiền 85.000.000 đồng, lý do là tôi chỉ còn một chân hụi ở bà Tám Y với số tiền đã đóng là 85.000.000 đồng, khi nào tôi lấy được hụi tôi sẽ trả nợ cho bà L. Còn nếu không lấy được hụi của bà Tám Y thì tôi sẽ trả nợ cho bà L theo từng vụ lúa, mỗi vụ khoảng từ 15 đến 20 triệu cho đến khi hết số tiền 85.000.000 đồng.

Khoản tiền 60.000.000 đồng: Số tiền này tôi ký nhận là vay của bà L nhưng thực tế là tiền số đề mà tôi thiếu của bà L như trên. Tôi đã trả đủ cho bà L. Biên nhận bà L đưa ra do chính tôi viết và ký nhận. Khi trả nợ xong cho bà L thì tôi đã viết vào biên nhận, hiện nay tôi đang giữ biên nhận gốc, tôi cam kết sẽ cung cấp cho Tòa án vào ngày 15/6/2015. Nếu tôi không cung cấp chứng cứ (Bản gốc biên nhận) đúng như cam kết thì coi như tôi chấp nhận chứng cứ bà L đưa ra.

Khoản tiền 78.000.000 đồng: Số tiền này cũng là tiền số đề tôi nợ bà L nhưng đã trả cho bà L đầy đủ theo P thức trả hàng ngày, mỗi ngày 1.000.000 đồng, thời gian từ ngày 02/10/2013 âm lịch đến ngày 20 tháng Chạp năm 2013. Tôi đưa tiền cho bà L và chị dâu bà L là bà Huỳnh Thị T. Biên nhận bà L đưa ra do chính tôi viết và ký nhận.

Sau đó tôi có trả nợ cho bà L, bà L có lập tờ biên nhận và ký tên, ghi họ, tên đưa tôi giữ. Nội dung xác nhận tôi có nợ bà L 3 khoản tiền bao gồm: 184.100.000 đồng, 78.000.000 đồng và 60.000.000 đồng, riêng khoản tiền 184.100.000 đồng, thì tôi mới trả được 169.000.000 đồng còn nợ lại 15.100.000 đồng, nhưng bà L lại không thừa nhận chữ viết và chữ ký của bà.

Vì vậy, tôi chỉ đồng ý trả nợ cho bà L số tiền 15.100.000đ, chứ không đồng ý trả theo yêu cầu của bà L.

Tại Biên bản đối chất ngày 20/7/2015 bà Huỳnh Thị T trình bày:

Việc bà L và bà P vay mượn như thế nào, tôi không rõ, nhưng bà P có gửi cho tôi 03 lần tiền để trả cho bà L với số tiền 3.000.000 đồng, nhưng vào thời gian nào, thì tôi không nhớ rõ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 22/6/2018 Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang quyết định:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Diệu L.

2/ Buộc bà Trần Thị P (Th) phải có nghĩa vụ trả cho bà Lý Thị Diệu L số tiền 406.976.000 đồng, trong đó gốc: 319.100.000 đồng, lãi: 87.876.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả, chi phí giám định và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 02 tháng 7 năm 2018, bà Trần Thị P (Th) kháng cáo với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm:

Hủy toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, với lý do:

Về thủ tục tố tụng: Không tổ chức phiên họp công khai chứng cứ; không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trương Thị Y tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng.

Về nội dung: Về số tiền nợ, thực tế bà chỉ còn thiếu bà L số tiền 15.100.000đ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà phải trả cho bà L số tiền 319.100.000đ; về số tiền lãi, trong đơn khởi kiện bà L chỉ yêu cầu bà trả 25 tháng 10 ngày nhưng Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà trả lãi 48 tháng là vượt quá yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thep pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm, Thư ký và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của bà Trần Thị P (Th), giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, nguyên đơn, bị đơn và người tham gia tố tụng khác, xét thấy:

[1]. Về nội dung: Bà Lý Thị Diệu L khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị P (Th) trả số tiền nợ gốc là 319.100.000 đồng. Tiền lãi tính theo pháp luật là 0,8%/ tháng, tính trong 48 tháng của hai khoản vay 184.100.000 đồng và 60.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc bà Trần Thị P (Th) phải có nghĩa vụ trả cho bà Lý Thị Diệu L số tiền 406.976.000 đồng (trong đó gốc: 319.100.000 đồng, lãi: 87.876.000 đồng). Bà P (Th) không đồng ý nên kháng cáo với nội dung: Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy án sơ thẩm, giao về cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Diệu L. Bà đồng ý trả nợ cho bà L số tiền 15.100.000 đồng.

[2] Xét kháng cáo của bà Trần Thị P (Th), Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thủ tục tố tụng: Bà P cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không công khai chứng cứ và không đưa bà Trương Thị Y tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Tuy nhiên theo hồ sơ thể hiện thì Tòa án cấp sơ thẩm có biên bản họp công khai chứng cứ đề ngày 02/08/2017 và đối với bà Y không có liên quan gì trong việc vay nợ giữa bà P với bà L, nên việc bà P cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục là không có cơ sở xem xét.

Về số tiền nợ: Căn cứ theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như tranh tụng tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, thể hiện: Từ ngày 29/6/2012 – 20/3/2013 bà P có vay của bà L 03 lần tổng số tiền 319.100.000đ. Bà L cho rằng từ lúc vay cho đến nay bà P chưa trả vốn và lãi nên bà L yêu cầu Tòa án buộc bà P trả số tiền vốn 319.100.000đ và lãi suất 0,8%/tháng, thời gian là 48 tháng của 2 khoản vay 184.100.000đ + 60.000.000đ, còn khoản tiền 75.000.000đ không yêu cầu tính lãi. Bà P thừa nhận có nợ tiền bà L số tiền trên nhưng số tiền nợ không phải là nợ tiền vay mà là tiền nợ bà bán số đề nộp phơi cho bà L còn thiếu lại nên bà L buộc bà ký giấy nhận nợ tiền vay và bà có trả nợ cho bà L nhiều lần không làm biên nhận, nhưng sau đó bà với bà L có ngồi lại tính bà chỉ còn nợ bà L 15.100.000đ, bà L có ký vào giấy tính tiền, tại Tòa án bà L có cung cấp giấy tính tiền có chữ ký bà L, bà L không thừa nhận chữ ký nên ngày 03/6/2016 bà L có đơn yêu cầu giám định, tại bản kết quả giám định số: 489/KL-KTHS ngày 09/9/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Kiên Giang kết luận chữ ký và chữ viết trong biên nhận là chữ ký và chữ viết của bà L. Bà L không đồng ý, nên ngày 17/10/2016 bà đã yêu cầu giám định lại tại Phân viện kỹ thuật hình sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh. Tại Kết luận giám định số: 3504/C54B ngày 30/5/2017 của Phân viện kỹ thuật hình

sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh kết luận không phải chữ viết, chữ ký của bà L trong biên nhận. Bà P không đồng ý nên ngày 15/8/2017 bà làm đơn yêu cầu giám định lại ở Viện khoa học hình sự Bộ Công an tại Hà Nội. Tại kết luận số 502/C54-P5 ngày 30/01/2018 của Viện khoa học hình sự Bộ công an kết luận chữ viết và chữ ký trong biên nhận không phải là chữ ký và chữ viết của bà Lý Thị Diệu L. Tại phiên tòa phúc thẩm bà P không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh bị ép buộc ký biên nhận nợ, tiền nợ là tiền bán số đề và việc trả nợ. Vì vậy Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà trả nợ gốc cho bà L số tiền 319.100.000đ là hoàn toàn có căn cứ.

Về lãi suất: Mặc dù bà P và bà L thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng là vượt so với quy định của pháp luật nhưng tại Tòa án bà L chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật đối với hai khoản vay và thời gian tính lãi là 48 tháng, yêu cầu về lãi suất của bà L được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là có lợi cho bà P vì từ ngày vay cho đến ngày xét xử là hơn 5 năm, nên việc bà P kháng cáo cho rằng cấp sơ thẩm xét xử vượt quá yêu cầu khởi kiện là không có cơ sở xem xét.

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận toàn bộ nội dung kháng cáo của bà Trần Thị P (Th), tuyên giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về án phí và chi phí giám định:

Án phí dân sự sơ thẩm và chi phí giám định là: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Trần Thị P (Th) kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bà Trần Thị P (Th). Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 46/2018/DS-ST ngày 22/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 25, 131, 243, 245 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự 2015. Các Điều 14, 18, 27

của Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội số 10/2009/PL-UBTVQH12, ngày 27/02/2009. Khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị Diệu L.

- Buộc bà Trần Thị P (Th) phải có nghĩa vụ trả cho bà Lý Thị Diệu L số tiền 406.976.000 đồng (Bốn trăm lẻ sáu triệu chín trăm bảy mươi sáu ngàn đồng), trong đó gốc: 319.100.000 đồng, lãi: 87.876.000 đồng.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn chưa trả số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

- Về chi phí giám định:

+ Chi phí giám định tại Công an tỉnh Kiên Giang, bà L chịu số tiền: 1.820.000 đồng, bà L đã tạm nộp xong.

+ Chi phí Giám định tại phân Viện kỹ thuật hình sự Bộ Công an tại TP. Hồ Chí Minh bà P chịu 1.500.000 đồng. Bà L tạm nộp, bà P có trách nhiệm trả lại cho bà L: 1.500.000 đồng(Một triệu năm trăm ngàn đồng).

+ Chi phí giám định lại tại Viện khoa học Bộ Công an tại Hà Nội số tiền 13.000.000 đồng bà P chịu. Trong đó bà L đã tạm nộp 3.000.000 đồng, bà P tạm nộp 10.000.000 đồng, bà P có trách nhiệm trả lại cho bà L 3.000.000 đồng.

Như vậy, bà P có trách nhiệm trả lại cho bà L 2 khoản là 4.500.000đ (Bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị P phải nộp số tiền 20.349.000 đồng (Hai mươi triệu ba trăm bốn mươi chín ngàn đồng).

Bà Lý Thị Diệu L không phải nộp án phí sơ thẩm nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.050.000 đồng theo biên lai thu số 08428 ngày 16/01/2015 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ.

+ Án phí dân sự phúc thẩm:

Buộc bà Trần Thị P (Th) phải nộp số tiền 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vàosố tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006791 ngày 03/7/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án (ngày 26/10/2018).

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Tòa án ND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THA dân sự huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Minh Triều